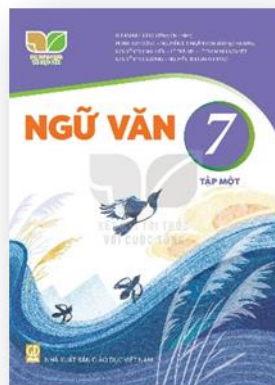




PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN



KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Chủ đề 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN

12 tiết (*Đọc và Tiếng Việt: 08 tiết, Viết: 03 tiết,
Nói và nghe: 01 tiết*)

Người soạn: Tổ Xã hội

Đơn vị: Trường THCS Chu Văn An

Năm học: 2022- 2023



Chủ đề 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ và năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.
- Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn, năm chữ.
- Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo án, bài giảng Powerpoint, máy tính, tranh ảnh minh họa về tác giả, tác phẩm.
- Phim ngắn, bài thơ, bài hát về anh bộ đội, chiến tranh, làng quê,...
- Phiếu học tập cá nhân, phiếu thảo luận nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

ĐỌC

VĂN BẢN 1. ĐỒNG DAO MÙA XUÂN (3 tiết)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ

Mục tiêu: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung học tập.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
GV tổ chức cho HS xem clip về những âm thanh, hình ảnh trong cuộc sống xung quanh và yêu cầu HS nêu cảm nhận.	- HS xem video và nêu cảm nhận.	+ Những thanh âm, hình ảnh gợi nhiều cảm xúc, vừa gần gũi vừa thiêng liêng + Khúc nhạc tâm hồn đến từ cuộc sống...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu Giới thiệu bài học và khám phá Tri thức Ngữ văn

Mục tiêu:

- Xác định chủ đề bài học, thể loại văn bản.
- Khám phá tri thức Ngữ văn về thể thơ bốn chữ và thơ năm chữ, vần, nhịp...

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập																	
- GV tổ chức HS chia sẻ theo kĩ thuật THINK – PAIR – SHARE để khái quát về chủ đề bài học, thể loại. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm thể thơ bốn chữ và thơ năm chữ. - GV phát cho HS phiếu học tập để HS làm việc theo nhóm tìm hiểu Tri thức Ngữ văn về thơ 4 chữ và 5 chữ.	– 1 HS đọc nhan đề bài học, lời đề từ, nội dung giới thiệu bài học. - HS đọc Tri thức Ngữ văn: <i>Một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ và thơ năm chữ.</i> - HS làm phiếu học tập và trình bày theo nhóm (4 nhóm).	A- Giới thiệu chủ đề bài học và khám phá tri thức Ngữ văn I. Giới thiệu chủ đề bài học - Chủ đề: Tình cảm yêu thương của con người đối với thế giới xung quanh. - Thể loại chính của VB đọc hiểu: thơ bốn chữ và thơ năm chữ. II. Khám phá tri thức Ngữ văn - Trình bày được đặc điểm thể thơ bốn chữ và thơ năm chữ:																	
PHIẾU HỌC TẬP 1.1 <table><tr><td>Hạt gạo làng ta Có bao tháng bầy Có mùa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cò Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy...</td><td> Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng:..... - Số dòng trong 1 khổ:..... - Số khổ trong 1 bài:..... Giao vần : - Vần liền : - Vần cách : - Vần chân: - Vần lưng: Ngắt nhịp: - Câu ngắt nhịp - Câu ngắt nhịp → Nhận xét: </td></tr></table> PHIẾU HỌC TẬP 1.2 <table><tr><td>Sóng Ngàn hà nao nao Chảy giữa trời lồng lộng Sao Thán Nồng tỏa rộng Một chiếc vô bằng vàng Đón những sao dọc ngang Như tôm cua bơi lội ...</td><td> Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng:..... - Số dòng trong 1 khổ:..... - Số khổ trong 1 bài:..... Giao vần : - Vần liền : - Vần cách : - Vần chân: - Vần lưng: Ngắt nhịp: - Câu ngắt nhịp - Câu ngắt nhịp → Nhận xét: </td></tr></table>	Hạt gạo làng ta Có bao tháng bầy Có mùa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cò Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy...	Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng:..... - Số dòng trong 1 khổ:..... - Số khổ trong 1 bài:..... Giao vần : - Vần liền : - Vần cách : - Vần chân: - Vần lưng: Ngắt nhịp: - Câu ngắt nhịp - Câu ngắt nhịp → Nhận xét:	Sóng Ngàn hà nao nao Chảy giữa trời lồng lộng Sao Thán Nồng tỏa rộng Một chiếc vô bằng vàng Đón những sao dọc ngang Như tôm cua bơi lội ...	Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng:..... - Số dòng trong 1 khổ:..... - Số khổ trong 1 bài:..... Giao vần : - Vần liền : - Vần cách : - Vần chân: - Vần lưng: Ngắt nhịp: - Câu ngắt nhịp - Câu ngắt nhịp → Nhận xét:	PHIẾU HỌC TẬP 1.1 <table><tr><td>Hạt gạo làng ta Có bao tháng bầy Có mùa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cò Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy...</td><td> Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng: 4 tiếng - Số dòng trong 1 khổ: không hạn chế - Số khổ trong 1 bài: không hạn chế Giao vần : - Vần liền : ba – sa ; sáu – nấu ; cò – bờ - Vần cách : ta – ba ; ta – sa - Vần chân: ta – ba – sa ; sáu – nấu ; cò – bờ - Vần lưng: (không có) Ngắt nhịp: - Câu 1 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 ngắt nhịp 2/2 - Câu 2 ; 3 ngắt nhịp 1/3 ; Câu 4 ngắt nhịp 3/1 → Nhận xét: Cách ngắt nhịp linh hoạt </td></tr></table> PHIẾU HỌC TẬP 1.2 <table><tr><td>Sóng Ngàn hà nao nao Chảy giữa trời lồng lộng Sao Thán Nồng tỏa rộng Một chiếc vô bằng vàng Đón những sao dọc ngang Như tôm cua bơi lội ...</td><td> Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng: 5 tiếng - Số dòng trong 1 khổ: không hạn chế - Số khổ trong 1 bài: không hạn chế Giao vần : - Vần liền + Vần chân: lồng – rộng ; vàng – ngang ; đông – hồng - Vần cách : (không có) - Vần lưng: lồng – Nồng Ngắt nhịp: - Câu 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 10 ngắt nhịp 3/2 - Câu 7 – 8 – 9 ngắt nhịp 2/3 → Nhận xét: Cách ngắt nhịp linh hoạt </td></tr></table>	Hạt gạo làng ta Có bao tháng bầy Có mùa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cò Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy...	Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng: 4 tiếng - Số dòng trong 1 khổ: không hạn chế - Số khổ trong 1 bài: không hạn chế Giao vần : - Vần liền : ba – sa ; sáu – nấu ; cò – bờ - Vần cách : ta – ba ; ta – sa - Vần chân: ta – ba – sa ; sáu – nấu ; cò – bờ - Vần lưng: (không có) Ngắt nhịp: - Câu 1 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 ngắt nhịp 2/2 - Câu 2 ; 3 ngắt nhịp 1/3 ; Câu 4 ngắt nhịp 3/1 → Nhận xét: Cách ngắt nhịp linh hoạt	Sóng Ngàn hà nao nao Chảy giữa trời lồng lộng Sao Thán Nồng tỏa rộng Một chiếc vô bằng vàng Đón những sao dọc ngang Như tôm cua bơi lội ...	Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng: 5 tiếng - Số dòng trong 1 khổ: không hạn chế - Số khổ trong 1 bài: không hạn chế Giao vần : - Vần liền + Vần chân: lồng – rộng ; vàng – ngang ; đông – hồng - Vần cách : (không có) - Vần lưng: lồng – Nồng Ngắt nhịp: - Câu 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 10 ngắt nhịp 3/2 - Câu 7 – 8 – 9 ngắt nhịp 2/3 → Nhận xét: Cách ngắt nhịp linh hoạt	THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ <table><tr><td></td><td>Thơ bốn chữ</td><td>Thơ năm chữ</td></tr><tr><td>Giống</td><td> - Đều là những thể thơ gần gũi, thường được sử dụng trong các bài đồng dao, bài vè - Sử dụng những hình ảnh thơ gần gũi, dung dị, thích hợp với việc kể chuyện - Không hạn chế số lượng dòng trong khổ, số lượng khổ trong bài - Thường gieo vần chân ; gieo vần liền / cách quãng / hỗn hợp </td><td></td></tr><tr><td>Khác</td><td> Số chữ trong dòng 4 Ngắt nhịp 2/2 ; 3/1 ; 1/3 </td><td> 5 2/3 ; 3/2 ; 1/4 ; 4/1 </td></tr></table>		Thơ bốn chữ	Thơ năm chữ	Giống	- Đều là những thể thơ gần gũi, thường được sử dụng trong các bài đồng dao, bài vè - Sử dụng những hình ảnh thơ gần gũi, dung dị, thích hợp với việc kể chuyện - Không hạn chế số lượng dòng trong khổ, số lượng khổ trong bài - Thường gieo vần chân ; gieo vần liền / cách quãng / hỗn hợp		Khác	Số chữ trong dòng 4 Ngắt nhịp 2/2 ; 3/1 ; 1/3	5 2/3 ; 3/2 ; 1/4 ; 4/1
Hạt gạo làng ta Có bao tháng bầy Có mùa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cò Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy...	Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng:..... - Số dòng trong 1 khổ:..... - Số khổ trong 1 bài:..... Giao vần : - Vần liền : - Vần cách : - Vần chân: - Vần lưng: Ngắt nhịp: - Câu ngắt nhịp - Câu ngắt nhịp → Nhận xét:																		
Sóng Ngàn hà nao nao Chảy giữa trời lồng lộng Sao Thán Nồng tỏa rộng Một chiếc vô bằng vàng Đón những sao dọc ngang Như tôm cua bơi lội ...	Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng:..... - Số dòng trong 1 khổ:..... - Số khổ trong 1 bài:..... Giao vần : - Vần liền : - Vần cách : - Vần chân: - Vần lưng: Ngắt nhịp: - Câu ngắt nhịp - Câu ngắt nhịp → Nhận xét:																		
Hạt gạo làng ta Có bao tháng bầy Có mùa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cò Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy...	Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng: 4 tiếng - Số dòng trong 1 khổ: không hạn chế - Số khổ trong 1 bài: không hạn chế Giao vần : - Vần liền : ba – sa ; sáu – nấu ; cò – bờ - Vần cách : ta – ba ; ta – sa - Vần chân: ta – ba – sa ; sáu – nấu ; cò – bờ - Vần lưng: (không có) Ngắt nhịp: - Câu 1 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 ngắt nhịp 2/2 - Câu 2 ; 3 ngắt nhịp 1/3 ; Câu 4 ngắt nhịp 3/1 → Nhận xét: Cách ngắt nhịp linh hoạt																		
Sóng Ngàn hà nao nao Chảy giữa trời lồng lộng Sao Thán Nồng tỏa rộng Một chiếc vô bằng vàng Đón những sao dọc ngang Như tôm cua bơi lội ...	Thể thơ : - Số tiếng trong 1 dòng: 5 tiếng - Số dòng trong 1 khổ: không hạn chế - Số khổ trong 1 bài: không hạn chế Giao vần : - Vần liền + Vần chân: lồng – rộng ; vàng – ngang ; đông – hồng - Vần cách : (không có) - Vần lưng: lồng – Nồng Ngắt nhịp: - Câu 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 10 ngắt nhịp 3/2 - Câu 7 – 8 – 9 ngắt nhịp 2/3 → Nhận xét: Cách ngắt nhịp linh hoạt																		
	Thơ bốn chữ	Thơ năm chữ																	
Giống	- Đều là những thể thơ gần gũi, thường được sử dụng trong các bài đồng dao, bài vè - Sử dụng những hình ảnh thơ gần gũi, dung dị, thích hợp với việc kể chuyện - Không hạn chế số lượng dòng trong khổ, số lượng khổ trong bài - Thường gieo vần chân ; gieo vần liền / cách quãng / hỗn hợp																		
Khác	Số chữ trong dòng 4 Ngắt nhịp 2/2 ; 3/1 ; 1/3	5 2/3 ; 3/2 ; 1/4 ; 4/1																	

- GV chốt đặc điểm thơ bốn chữ, năm chữ.	- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
---	---

Hoạt động 2.2. Khởi động – Trước khi đọc văn bản “Đồng dao mùa xuân”

Mục tiêu:

- Nhắc lại đặc điểm thể thơ 4 chữ, kết nối với tiết học trước.
- Chia sẻ ấn tượng đẹp trong em về hình ảnh người lính.
- Khơi gợi hứng thú cho học sinh để tiếp nhận bài mới.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
– GV dẫn dắt, yêu cầu HS chia sẻ ấn tượng đẹp về hình ảnh người lính. – Dẫn dắt vào bài.	– HS chia sẻ bằng hình thức khác nhau: đọc thơ, hát, vẽ tranh,...	Tạo được không khí cởi mở khi chia sẻ và tâm thế tích cực tiếp nhận bài học.

HOẠT ĐỘNG 2.3: Đọc văn bản “Đồng dao mùa xuân” và tìm hiểu chung

Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản và nêu được những nét khái quát về tác giả và tác phẩm.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm văn bản: - GV đọc mẫu bài thơ: - GV hướng dẫn HS <i>theo dõi</i> số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp; lưu ý HS <i>hình dung</i> được hình ảnh người lính trong "những năm máu lửa" và hình ảnh người lính nằm lại chiến trường xưa trong tưởng tượng của tác giả. - GV yêu cầu HS đọc theo nhóm -> đọc toàn bài. - GV yêu cầu HS thuyết trình giới thiệu về tác giả, tác phẩm: Nêu những nét	- HS lắng nghe và lưu ý. - HS đọc bài và chỉnh sửa giọng đọc theo nhóm; 2 HS đọc toàn bài. - HS thuyết trình; HS khác nhận xét, bổ sung.	B- Đọc hiểu văn bản “Đồng dao mùa xuân” I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung. 1. Đọc văn bản Lưu ý cách đọc:  Giọng thơ thay đổi linh hoạt theo nhịp thơ, nhịp cảm xúc của từng đoạn 4 khổ đầu: Giọng hồi nhớ, trầm buồn, da diết 5 khổ cuối: Giọng ngậm ngùi, suy tư; biết ơn, ngưỡng mộ, tự hào 2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm Tác giả  Nguyễn Khoa Điềm, sinh năm 1943, quê Thừa Thiên Huế Thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ Đề tài: Tình yêu quê hương đất nước

chính về tác giả (tên, quê, vị trí, đề tài sáng tác), tác phẩm (năm sáng tác, xuất xứ, thể loại, bố cục). - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide.	- HS ghi bài.	Tác phẩm  • Xuất xứ: Viết năm 1994, trích “Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Tuyển tập 40 năm do tác giả chọn” • Thể loại: Thơ bốn chữ • Bố cục: 2 phần: 4 khổ đầu + 5 khổ cuối
--	---------------	--

HOẠT ĐỘNG 2.4: Khám phá văn bản

Mục tiêu:

- Nhận diện những nét đặc sắc về cách gieo vần, ngắt nhịp, chia khổ của bài thơ.
- Nhận xét những nét độc đáo: chi tiết đặc sắc, yếu tố tự sự, miêu tả, biện pháp tu từ,... của bài thơ.
- Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, lòng biết ơn những người đã góp phần làm nên cuộc sống hôm nay.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập												
- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động Giải mật thư:  Giải mật thư • Cách chia khổ: Bài thơ “Đường đời miền nhớ” được chia thành 3 khổ, hầu hết các khổ đều có 4 dòng. Riêng khổ 1 có 3 dòng thơ nhằm khơi gợi sự chờ đợi của người đọc, khổ 2 chỉ có 3 dòng diễn tả sự hi sinh rất hết sức đắt ngọt của người lính và thể hiện tâm trạng đau buồn của nhà thơ, đồng thời gợi lên trong lòng người đọc niềm tiếc thương sâu sắc. • Số tiếng: mỗi dòng thơ có 4 tiếng ngắn gọn, như nét chạm khắc dứt khoát hình ảnh người lính. • Gieo vần: Bài thơ được gieo vần chẵn, ở các tiếng lính - lính, làm - làm, yêu - yêu - chầu - chầu, anh - anh, nhớ - nhớ; các câu được gieo cách nhau nên được gọi là gieo vần chẵn. • Ngắt nhịp: Bài thơ chủ yếu là ngắt 2/2 giúp bài thơ mang âm điệu, đôi khi thì ngắt nhịp linh hoạt để thể hiện sự thay đổi tình huống trong mạch cảm xúc của bài thơ. Vì vậy câu thơ “anh không về nhà” ngắt nhịp 1/3 gợi lên trường cảnh một mình và thể hiện cảm xúc tiếc thương, hoài nghi. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide. - GV dẫn chuyển phần 2. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu 4 sự việc trong cuộc đời người lính qua sơ đồ time life. - GV nhận xét, chốt kiến thức trên slide.	- HS tham gia hoạt động. - HS trả lời phiếu học tập. * Dự kiến sản phẩm:  Giải mật thư • Cách chia khổ: Bài thơ “Đường đời miền nhớ” được chia thành 3 khổ, hầu hết các khổ đều có 4 dòng. Riêng khổ 1 có 3 dòng thơ nhằm khơi gợi sự chờ đợi của người đọc, khổ 2 chỉ có 3 dòng diễn tả sự hi sinh rất hết sức đắt ngọt của người lính và thể hiện tâm trạng đau buồn của nhà thơ, đồng thời gợi lên trong lòng người đọc niềm tiếc thương sâu sắc. • Số tiếng: mỗi dòng thơ có 4 tiếng ngắn gọn, như nét chạm khắc dứt khoát hình ảnh người lính. • Gieo vần: Bài thơ được gieo vần chẵn, ở các tiếng lính - lính, làm - làm, yêu - yêu - chầu - chầu, anh - anh, nhớ - nhớ; các câu được gieo cách nhau nên được gọi là gieo vần chẵn. • Ngắt nhịp: Bài thơ chủ yếu là ngắt 2/2 giúp bài thơ mang âm điệu, đôi khi thì ngắt nhịp linh hoạt để thể hiện sự thay đổi tình huống trong mạch cảm xúc của bài thơ. Vì vậy câu thơ “anh không về nhà” ngắt nhịp 1/3 gợi lên trường cảnh một mình và thể hiện cảm xúc tiếc thương, hoài nghi. - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS Trình bày sản phẩm vẽ sơ đồ time life	II. Khám phá văn bản 1. Đặc điểm vần, nhịp, cách chia khổ của bài thơ <table border="1"> <thead> <tr> <th></th><th>Đặc điểm</th><th>Tác dụng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số tiếng trong mỗi dòng</td><td>4 tiếng một dòng, ngắn gọn</td><td>Gợi ra sự dứt khoát, sắc nét, góp phần tạc vào kí ức độc giả hình tượng người lính đã hi sinh ở độ tuổi rất trẻ</td></tr> <tr> <td>Cách gieo vần</td><td>Chủ yếu là vần chẵn ở hầu hết các dòng thơ: lính - lính; làm - làm... lính - lính; nhớ - nhớ...</td><td>Để thuộc, dễ nhớ</td></tr> <tr> <td>Ngắt nhịp</td><td>Chủ yếu ngắt 2/2 kết hợp 1/3</td><td>- Nhịp 2/2 gợi giọng điệu đồng dao - Nhịp 1/3 ghi lại cảm xúc riêng của nhà thơ</td></tr> </tbody> </table> 2. Hình ảnh người lính		Đặc điểm	Tác dụng	Số tiếng trong mỗi dòng	4 tiếng một dòng, ngắn gọn	Gợi ra sự dứt khoát, sắc nét, góp phần tạc vào kí ức độc giả hình tượng người lính đã hi sinh ở độ tuổi rất trẻ	Cách gieo vần	Chủ yếu là vần chẵn ở hầu hết các dòng thơ: lính - lính; làm - làm... lính - lính; nhớ - nhớ...	Để thuộc, dễ nhớ	Ngắt nhịp	Chủ yếu ngắt 2/2 kết hợp 1/3	- Nhịp 2/2 gợi giọng điệu đồng dao - Nhịp 1/3 ghi lại cảm xúc riêng của nhà thơ
	Đặc điểm	Tác dụng												
Số tiếng trong mỗi dòng	4 tiếng một dòng, ngắn gọn	Gợi ra sự dứt khoát, sắc nét, góp phần tạc vào kí ức độc giả hình tượng người lính đã hi sinh ở độ tuổi rất trẻ												
Cách gieo vần	Chủ yếu là vần chẵn ở hầu hết các dòng thơ: lính - lính; làm - làm... lính - lính; nhớ - nhớ...	Để thuộc, dễ nhớ												
Ngắt nhịp	Chủ yếu ngắt 2/2 kết hợp 1/3	- Nhịp 2/2 gợi giọng điệu đồng dao - Nhịp 1/3 ghi lại cảm xúc riêng của nhà thơ												

- GV hướng dẫn HS khám phá kỹ năng đọc hiểu 4 khổ thơ đầu qua hoạt động <i>Lắng nghe - học hỏi</i>. - GV yêu cầu HS: Em hãy đọc thầm 4 khổ đầu của bài thơ và tìm các chi tiết, các biện pháp nghệ thuật tái hiện bức chân dung người lính. Qua đó, em có cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của người lính và tình cảm tác giả muốn gửi gắm? - GV yêu cầu HS nhận xét hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp, chia khổ trong 4 khổ thơ đầu. - Cho HS chia sẻ cảm nhận về chi tiết mình yêu thích nhất và lí giải. - Cho HS chia sẻ nêu cảm nhận về hình ảnh ẩn dụ “<i>Anh thành ngọn lửa/Bạn bè mang theo</i>”. - GV yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm về khoảnh khắc được truyền cảm hứng trong cuộc sống. - GV hướng dẫn HS khám phá kỹ năng đọc hiểu 5 khổ thơ cuối qua	- HS đọc thầm, tìm và nhận xét các chi tiết, các thủ pháp nghệ thuật tái hiện chân dung người lính theo gợi dẫn. Từ đó nêu cảm nhận về vẻ đẹp của người lính và tình cảm mà tác giả gửi gắm. - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân về hiệu quả nghệ thuật của cách chia khổ, ngắt nhịp trong đoạn thơ. - HS lựa chọn chi tiết, cảm nhận, lí giải. - HS nêu cảm nhận về người lính qua nghệ thuật ẩn dụ. - HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân. - HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập.	a. Bốn khổ thơ đầu * Chi tiết: - Không gian, thời gian: núi xanh, ngày máu lửa. - Hình ảnh người lính: + Chưa biết yêu, mê thả điều + Hi sinh: thành ngọn lửa * Nghệ thuật: điệp ngữ, ẩn dụ, chia khổ, ngắt nhịp linh hoạt... => <i>Người lính hồn nhiên, yêu đời, dũng cảm, sẵn sàng ra trận vì quê hương đất nước</i> => <i>Tình cảm, cảm xúc của đồng đội, tác giả: ngưỡng mộ, trân trọng.</i> b. Năm khổ thơ cuối * Chi tiết: - Thời gian, không gian : 10- 20 năm, Trường Sơn núi cũ - Hình ảnh người lính: ba lo con
--	--	--

hoạt động *Cùng hợp tác*:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập (thời gian 7 phút).

HOẠT ĐỘNG NHÓM (4 NHÓM)		
Em hãy tìm các chi tiết tái hiện hành động của người lính. Từ đó nêu cảm nhận, đánh giá và thông điệp. Thời gian: 5 phút		
Chi tiết	Cảm nhận/ đánh giá	Thông điệp
- Chi tiết: - "thời gian, không gian" - "hình ảnh người lính"		
- "Nghệ thuật": - "Hình ảnh người lính"		
Tình cảm của đồng đội và nhân dân:		

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide.

- GV yêu cầu HS đặt tiêu đề cho 4 khổ thơ đầu và 5 khổ thơ cuối.

- GV hướng dẫn HS khám phá kỹ năng đọc hiểu thơ bốn chữ qua hoạt động *Chi sẻ*.

+ GV cho HS tham gia hoạt động chia sẻ “Vui cùng thơ ca”. Giáo viên tổ chức học sinh lựa chọn, chia sẻ theo định hướng: cảm nhận về một chi tiết em yêu thích/ chia sẻ về chi tiết có nhiều cách hiểu/ đặt câu hỏi về chi tiết mình ấn tượng/ đồng sáng tạo với tác giả (vẽ tranh, kể chuyện sáng tạo, hát...vv)

- HS báo cáo sản phẩm nhóm

* Dự kiến sản phẩm:

Chi tiết	Cảm nhận/ đánh giá	Thông điệp
- Chi tiết: - "thời gian, không gian" - "hình ảnh người lính"	- Hình ảnh của anh hùng liệt sĩ trong tâm tưởng đồng đội và nhân dân. - Trung gian của anh và gia đình, quê hương, làm cho anh nhớ quê hương, nhớ quê hương, nhớ quê hương và quê hương.	- "Người lính đi, anh hùng, anh hùng anh hùng anh hùng, anh hùng anh hùng anh hùng."
- "Nghệ thuật": - "Hình ảnh người lính"	- "Hình ảnh người lính"	- "Hình ảnh người lính"

- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung, nêu ý kiến phản biện.

- HS đặt tiêu đề theo suy nghĩ cá nhân.

- HS chia sẻ cảm nhận



cóc, áo xanh, làn da sốt rét, cười hiền lành, ngời lạng lẽ, nhớ mùa xuân, ngời rực rỡ, mắt như suối biếc, vai đầy núi non,

***Nghệ thuật:** điệp ngữ, ẩn dụ...

=> *Người lính giản dị, hiền hậu, hóa thân thành sông núi, làm nên mùa xuân đất nước*

=> *Tình cảm, cảm xúc của đồng đội, nhân dân: nhớ thương, biết ơn, trân trọng, tự hào.*

Hoạt động 2.5. Tổng kết

Mục tiêu:

- Khái quát nội dung, nghệ thuật của bài thơ;
- Xác định được kỹ năng đọc hiểu thơ 4 chữ;
- Thực hành đọc sáng tạo bài thơ theo nhịp điệu đồng dao.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV yêu cầu HS lí giải ý nghĩa nhan đề bài thơ. - GV cho HS đọc sáng tạo bài thơ theo nhịp điệu đồng dao. - GV hướng dẫn HS tổng kết kiến thức bài học và kỹ năng đọc hiểu thơ bốn chữ qua sơ đồ tư duy. - GV tổ chức cho HS hoạt động tri ân: Viết tiếp khúc ca mùa xuân.	- HS suy nghĩ, trao đổi cặp để tìm hiểu ý nghĩa nhan đề bài thơ. - HS đọc đồng thanh. - HS quan sát, khái quát kiến thức kỹ năng qua sơ đồ tư duy. - HS chia sẻ lời gửi.	III. Tổng kết Ý nghĩa nhan đề “Đồng dao mùa xuân” Đồng dao - Thơ ca dân gian dành cho trẻ em, thường viết bằng thơ bốn chữ - Âm hưởng tươi vui Mùa xuân - Mùa khởi đầu, tươi đẹp nhất - Tuổi trẻ, lứa tuổi đẹp nhất, tràn đầy sức sống - Vẻ đẹp, sức sống vươn lên của đất nước, dân tộc - Sự vinh cửu, trường tồn ... Bài thơ là khúc đồng dao mùa xuân: - Khúc hát lưu truyền mãi đến thế hệ mai sau - Ngợi ca những con người đã hiến dâng tuổi xuân của mình để làm nên mùa xuân cho quê hương, đất nước. - Hình ảnh người lính trong sáng, yêu đời, sống mãi trong lòng nhân dân Đồng dao mùa xuân (Nguyễn Khoa Điềm) Nghệ thuật - Thơ 4 chữ, cách chia khổ, ngắt nhịp linh hoạt - Hình ảnh thơ giản dị - Kết hợp nhiều biện pháp tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, so sánh, nói giảm nói tránh, ... Nội dung - Bài thơ khắc họa hình ảnh đẹp đẽ của người lính, đã tham gia chiến đấu, hi sinh tuổi xuân của mình cho đất nước, cho dân tộc. - Thể hiện tình cảm, lòng biết ơn của dân tộc ta * Kỹ năng cơ bản cảm thụ thơ Bước 1: Nắm chắc các đặc trưng cơ bản của thơ Bước 2: Đọc kĩ văn bản để có cảm nhận ban đầu về nội dung Bước 3: Phát hiện các nét đặc sắc về văn, nhịp, ngôn ngữ, giọng điệu, hình ảnh, các biện pháp tu từ...vv từ đó giải mã, cảm thụ Bước 4: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật, nhận ra thông điệp mà tác giả gửi gắm.

HOẠT ĐỘNG 3: VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Mục tiêu: Viết được đoạn văn nêu cảm nghĩ về người lính trong bài thơ.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV hướng dẫn viết đoạn văn - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu.	- HS đọc đề - Xác định yêu cầu: + Về hình thức + Về nội dung	Viết được đoạn văn đảm bảo yêu cầu: - Hình thức: Đoạn văn 5 – 7 câu - Nội dung: + Giới thiệu khái quát về cuộc đời

– GV trao đổi, gợi ý nội dung viết. – Thực hành viết - Đọc bài viết và nhận xét, đánh giá.	– HS viết bài. – HS đọc bài viết của mình. – Soi chiếu vào tiêu chí đánh giá. – HS khác nhận xét, góp ý.	người lính trong bài thơ + Nêu cảm nhận chi tiết về hình ảnh người lính trong bài thơ. - Đánh giá được đoạn văn đã viết theo tiêu chí: <table border="1" data-bbox="979 411 1458 934"> <thead> <tr> <th colspan="3">Tiêu chí đánh giá</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Dung lượng đoạn văn</td><td>1.0đ</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Giới thiệu khái quát về cuộc đời người lính trong bài thơ</td><td>1.0đ</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Cảm nhận những nét đẹp của người lính</td><td>4.0đ</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Khẳng định tình cảm của đồng đội, của nhân dân dành cho những người lính</td><td>2.0đ</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Diễn đạt mạch lạc</td><td>2.0đ</td></tr> </tbody> </table>	Tiêu chí đánh giá			1	Dung lượng đoạn văn	1.0đ	2	Giới thiệu khái quát về cuộc đời người lính trong bài thơ	1.0đ	3	Cảm nhận những nét đẹp của người lính	4.0đ	4	Khẳng định tình cảm của đồng đội, của nhân dân dành cho những người lính	2.0đ	5	Diễn đạt mạch lạc	2.0đ
Tiêu chí đánh giá																				
1	Dung lượng đoạn văn	1.0đ																		
2	Giới thiệu khái quát về cuộc đời người lính trong bài thơ	1.0đ																		
3	Cảm nhận những nét đẹp của người lính	4.0đ																		
4	Khẳng định tình cảm của đồng đội, của nhân dân dành cho những người lính	2.0đ																		
5	Diễn đạt mạch lạc	2.0đ																		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học trong tiết học vào trong cuộc sống thực tiễn

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
GV nêu yêu cầu: <i>Em hãy viết 1 đoạn kịch, làm 1 bản Infographic, vẽ 1 bức tranh, làm 1 video phim/ âm nhạc, tạo 1 trò chơi ... về 1 người lính dũng cảm mà em yêu mến.</i>	- HS làm sản phẩm sáng tạo ở nhà theo nhóm 4/làm cá nhân tại nhà và nộp lên Padlet / Gmail/ Nhóm lớp.	Yêu cầu về nội dung và hình thức: - Đúng thể thức - Đúng chủ đề: người lính dũng cảm.

DẶN DÒ

- HS hoàn thành bài tập
- HS chuẩn bị nội dung tiết 17: Thực hành tiếng Việt.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 1 (1 tiết)
(BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI GIẢM NÓI TRÁNH)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Tích cực hóa vốn từ của HS qua trò chơi khởi động.
- Tạo tâm thế tích cực, hứng khởi cho học sinh tiếp nhận bài mới.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập								
– GV tổ chức cho HS đọc và giải thích ý nghĩa một số từ ngữ in nghiêng trong câu thơ – GV chia lớp thành 4 đội chơi. – Nhiệm vụ: Đọc ngữ liệu sau, giải thích cách hiểu về nghĩa của từ ngữ trong câu thơ: (1) Bác đã <i>đi</i> rồi sao Bác ơi Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời. (2) Bác Dương <i>thôi</i> đã <i>thôi</i> rồi Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta. <table><tr><th><i>Từ in nghiêng</i></th><th><i>Ý nghĩa</i></th></tr><tr><td><i>đi, thôi</i></td><td>➔ chỉ cái chết</td></tr></table> - GV chốt đáp án	<i>Từ in nghiêng</i>	<i>Ý nghĩa</i>	<i>đi, thôi</i>	➔ chỉ cái chết	- HS tham gia trò chơi - GV giải thích được ý nghĩa của từ in nghiêng.	HS giải thích được nghĩa của từ ngữ trong câu thơ: <table><tr><th><i>Từ in nghiêng</i></th><th><i>Ý nghĩa</i></th></tr><tr><td><i>đi, thôi</i></td><td>➔ chỉ cái chết</td></tr></table>	<i>Từ in nghiêng</i>	<i>Ý nghĩa</i>	<i>đi, thôi</i>	➔ chỉ cái chết
<i>Từ in nghiêng</i>	<i>Ý nghĩa</i>									
<i>đi, thôi</i>	➔ chỉ cái chết									
<i>Từ in nghiêng</i>	<i>Ý nghĩa</i>									
<i>đi, thôi</i>	➔ chỉ cái chết									

HOẠT ĐỘNG 2: Củng cố kiến thức

Mục tiêu:

- Nhận biết biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.
- Nắm được những cách nói giảm nói tránh thông dụng.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
--------------------------	-------------------------------	----------------------------------

– GV tổ chức cho HS thảo luận ý kiến, hoàn thành phiếu bài tập PHIẾU HỌC TẬP			- Trao đổi ý kiến theo nhóm đôi. - Đại diện một số nhóm trình bày.	– Trình bày được nghĩa của các từ ngữ in đậm: + Không bước nữa/bỏ quên đời/về đất: chết + Khí thành bạch: nghèo – Rút ra được kết luận về từ đồng âm và từ đa nghĩa. – Nêu được tác dụng của việc sử dụng từ ngữ in đậm: tránh cảm giác đau thương, mất mát; giữ phép lịch sự. – Rút ra kết luận về biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh. – Nhận biết các cách nói giảm nói tránh thông dụng: + Dùng từ đồng nghĩa (lớp từ Hán Việt) + Dùng cách nói vòng + Dùng cách nói phủ định.
Câu văn	Giải thích nghĩa của các từ in đậm	Tác dụng		
a. Anh bạn dãi dầu không bước nữa... Gục lên súng mũ bỏ quên đời				
b. Áo bài thay chiếu anh về đất Sông Mã gầm lên khúc độc hành				
c. Thấy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: “ Phải cái nhà nó khí thành bạch ” thì mẹ cô Pha kêu lên rằng: “Chao ôi, thầy nó chỉ nghĩ lẫn thẩn sự đời. Nghèo thì càng dễ ở với nhau. Tôi chỉ thích những nơi cũng tiếm như nhà mình”.				

- GV chốt đáp án - GV trao đổi thêm về các cách nói giảm, nói tránh thông dụng.												
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP												
Mục tiêu: - Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh. - Xác định được nghĩa của một số từ ngữ. - Xác định được biện pháp tu từ điệp ngữ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này.												
Tổ chức hoạt động		Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập									
(1) GV cho hoạt động cá nhân - Yêu cầu HS làm BT 1 thông qua phiếu học tập <table><tr><th>Câu</th><th>Biện pháp tu từ</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>Một ngày hòa bình</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Anh không về nữa</td><td></td><td></td></tr></table>		Câu	Biện pháp tu từ	Tác dụng	Một ngày hòa bình			Anh không về nữa			(1) - HS làm bài tập 1 - Đọc và xác định yêu cầu và làm bài tập. (2) - Đọc yêu cầu bài tập. - Đọc, xác định yêu cầu và làm bài tập. (3) HS trình bày phiếu bài tập và thực hiện nhiệm vụ.	Bài 1 Xác định biện pháp tu từ nói giảm nói tránh: Anh không về nữa: đã hi sinh, đã mất. ➔ Tránh cảm giác đau buồn. Bài 2 Tìm được một số ví dụ về biện pháp tu từ nói giảm nói tránh: Ví dụ: - Bỗng lòn chớp đỏ Thôi rồi, Lượm ơi! (Lượm, Tố Hữu) - Con cháu về đến nhà thì ông cụ đã không còn nữa. (Lời nói hàng ngày) Bài 3 - Xác định được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và nêu tác dụng: + Cụm từ “nhắm mắt” (câu a) dùng để nói về cái chết nhằm giảm bớt cảm giác đau thương.
Câu	Biện pháp tu từ	Tác dụng										
Một ngày hòa bình												
Anh không về nữa												
(2) GV cho HS làm việc theo nhóm đôi.												
(3) GV hướng dẫn HS nhớ lại ngữ cảnh của câu văn, xác định cụm từ có sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh rồi nêu tác dụng.												

– Làm bài theo nhóm 4 (hoàn thành phiếu bài tập).				+ Cụm từ “nghèo sức” (câu b) được dùng để chỉ sự yếu ớt về thể chất (không có sức để đào một cái hang sâu, an toàn). Việc dùng cụm từ đó có tác dụng làm giảm sắc thái tiêu cực so với câu không dùng nói giảm, nói tránh.
Câu	Biện pháp tu từ	Tác dụng		
a. <i>Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.</i>				
b. <i>Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà cửa như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ ròn rã mấy tháng cũng không biết làm như thế nào.</i>				
(4) GV cho HS làm việc cá nhân - GV chốt đáp án.			(4) – HS làm bài tập. – Đọc bài tập. – Dựa vào ngữ cảnh cụ thể để nhận biết nghĩa của các từ ngữ. - Đại diện một	Bài 5 – Cụm từ “núi xanh” có nghĩa là chiến trường, nơi diễn ra những trận chiến ác liệt. – Cụm từ “máu lửa” được nhà thơ dùng với nghĩa chỉ những năm tháng chiến tranh khốc liệt.

	số nhóm trình bày bài làm.	
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG		
Mục tiêu: - Rèn kĩ năng nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và phân tích được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
(1) GV Tổ chức cho HS làm việc theo cặp (trình bày trên bảng phụ). (2) - GV cho HS làm bài tập cá nhân - Thời gian làm bài: 3 phút - GV cho HS chấm chéo trong bàn.	- Đọc bài tập, xác định yêu cầu cần đạt của bài tập - HS làm việc cá nhân - Các bàn chuyển vở chấm chéo.	Bài 4 Biện pháp tu từ điệp ngữ thể hiện ở các dòng thơ: - <i>Có một người lính</i> (khổ 1, khổ 3): Biện pháp tu từ điệp ngữ như một lời nhắc nhở người đọc luôn nhớ về anh – một con người từng sống, chiến đấu và đã anh dũng hi sinh. - <i>Anh không về nữa</i> : khắc họa ấn tượng trong lòng người đọc về sự ra đi của người lính trẻ, nhấn mạnh nỗi ngậm ngùi, thương tiếc của nhân dân, đồng đội dành cho người lính. - Anh ngời (Anh ngời lạng lẽ, Anh ngời rực rỡ): <i>hình tượng người lính hiện lên như một bức tượng giữa rừng núi Trường Sơn hùng vĩ.</i> Bài 6 Giải thích nghĩa của từ <i>xuân</i> trong ngữ cảnh. 0.5 + <i>Ngày xuân</i>: chỉ những ngày tháng tươi đẹp. 0.5

		+ Tuổi xuân: chỉ tuổi trẻ, sự trẻ trung. 0.5 + Đồng dao mùa xuân: <i>chỉ tuổi trẻ của người lính, vẻ đẹp sức sống, sức vươn lên của dân tộc, đất nước. 1.0</i> Tổng – 2.5 điểm
--	--	--

DẶN DÒ

- HS hoàn thành bài tập
- HS chuẩn bị nội dung tiết 18,19: Gấp lá cờ nếp.

ĐỌC
VĂN BẢN 2. GẶP LÁ CỜM NẾP (2 tiết)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Chia sẻ cảm nhận về hương vị của xôi – một món ăn quen thuộc của người Việt.
- Khơi gợi hứng thú cho học sinh để tiếp nhận bài mới.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV cho HS xem video và nêu cảm nhận: Video “Xôi – một phần không thể thiếu của ẩm thực Việt”. https://www.youtube.com/watch?v=X74p2EVt4MU - Dẫn dắt vào bài.	- HS xem video. - 3 HS nêu cảm nhận.	– Tạo được không khí cởi mở khi chia sẻ và tâm thế tích cực tiếp nhận bài học. – Chia sẻ được những cảm nhận, ấn tượng của mình về món xôi – một món ăn quen thuộc của người Việt.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Đọc văn bản và tìm hiểu chung tác giả, tác phẩm

Mục tiêu:

- Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng, phù hợp với ngữ điệu của bài thơ năm chữ; Đọc bài thơ với giọng tình cảm, thiết tha, sâu lắng.
- Nêu được những nét chính về tác giả, tác phẩm.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản: + Yêu cầu HS xác định chiến lược đọc. + GV đọc mẫu một lần và nêu yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ) + GV mời HS đọc toàn bài kết hợp âm nhạc.	- HS lưu ý, lắng nghe - HS đọc bài theo yêu cầu - HS quan sát hình ảnh, lắng	I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung tác giả, tác phẩm 1. Đọc văn bản - Cách đọc • Khổ 1: Ôn tồn, tâm trạng • Khổ 2: Bồi hồi, tha thiết • Khổ 3: Xúc động, suy tư • Khổ 4: Xao xuyến

- GV chiếu HS xem hình ảnh lá cơm nếp rừng và lá cơm nếp lá dứa cùng chú thích. - GV mời HS thuyết trình giới thiệu những nét tiêu biểu về tác giả và tác phẩm. - GV nhận xét, chốt kiến thức.	nghe phần giải thích của GV. - HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm. - HS khác nhận xét, bổ sung.	- Chú thích từ khó:  CÓ MÙI THOM NHƯ MÙI CƠM NẾP, MÙI HƯƠNG TỎA RA KHÔNG GIAN XUNG QUANH NÊN TỪ XA CŨNG CÓ THỂ NGƯỜI THẤY MÙI CỦA LÁ CƠM NẾP. DÙNG TƯƠI HOẶC KHÔ (CÀNG THOM), CHO VÀO NẤU CƠM, XÔI, CHÈ, Ồ RƯỢU NẾP, ... 2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm Tác giả  ▪ Thanh Thảo (1946), quê Quảng Ngãi ▪ Là nhà thơ, nhà báo nổi tiếng qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và thời hậu chiến. ▪ Tác phẩm tiêu biểu: Những người đi tới biển (1977), Dấu chân qua trăng cỏ (1978), Những ngọn sóng mặt trời (1981), Khói vương ru bích (1985), ... Tác phẩm  Xuất xứ: "Dấu chân qua trăng cỏ", NXB Hội nhà văn Hà Nội, 2015 Mạch cảm xúc: Hiện tại → Quá khứ → Hiện tại
--	---	--

Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản

Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm cơ bản của thể thơ năm chữ được thể hiện qua bài thơ.
- Nhận xét, đánh giá được nét độc đáo, khác biệt của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Cảm nhận được nội dung ý nghĩa của bài thơ: tình cảm gia đình gắn bó bền chặt và hòa quyện với tình yêu quê hương, đất nước.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV chiếu yêu cầu hoạt động nhóm đôi (3 phút)	- HS thảo luận nhóm làm phiếu học tập 1. - HS trình bày *Dự kiến sản phẩm	II. Khám phá văn bản 1. Đặc điểm hình thức của bài thơ * Bài thơ <i>Gặp lá cơm nếp</i> (thuộc thể năm chữ):

Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu đặc điểm hình thức bài thơ Gấp lá com nếp		
	Đồng dao mùa xuân	Gấp lá com nếp
Số tiếng trong mỗi dòng		
Cách gieo vần		
Ngắt nhịp		
Chia khổ		

- GV nhận xét đánh giá, chốt kiến thức trên slide.

- GV chuyển ý phần 2.

- GV tổ chức cho HS tưởng tượng, đóng vai anh bộ đội thổ lộ tâm tư và hoàn cảnh nhớ đến mẹ. Từ đó, nêu nhận xét về hoàn cảnh.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập theo nhóm đôi.

PHIẾU HỌC TẬP 2	
Những dòng thơ kể về mẹ	Hình ảnh của mẹ trong kí ức của người con:

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

- GV hướng dẫn HS:

+ Phân biệt xôi và com nếp để hình dung không gian quê hương, hình ảnh người mẹ.

+ Hình ảnh bát xôi mùa gặt gợi kí ức về mùa màng quê hương – dịp lễ hội lên đồng (sau mùa

Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu đặc điểm hình thức bài thơ Gấp lá com nếp		
	Đồng dao mùa xuân	Gấp lá com nếp
Số tiếng trong mỗi dòng	4 tiếng/dòng	5 tiếng/dòng
Cách gieo vần	Chân	Chân
Ngắt nhịp	Linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2	Linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/3
Chia khổ	9 khổ, trong đó có 2 khổ đặc biệt	4 khổ, trong đó có 1 khổ đặc biệt

- HS khác nhận xét. .

- HS đóng vai

- HS nhận xét

- HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập 2.

- HS trình bày bài làm

*Dự kiến sản phẩm:

PHIẾU HỌC TẬP 2	
Những dòng thơ kể về mẹ	Hình ảnh của mẹ trong kí ức của người con:
Mẹ ở đầu chiều nay Nhặt lá về đun bếp Phát mẹ thổi com nếp	- Mẹ là người tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình - Mẹ yêu thương các con - Mẹ mộc mạc, gần gũi, chất phác

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, quan sát trên slide hình ảnh.

– Số tiếng trong một dòng: 5 tiếng/dòng

– Vần: vần chân

– Nhịp: linh hoạt

– Chia khổ: 4 khổ, trong đó có 1 khổ đặc biệt.

2. Hình ảnh người mẹ trong kí ức của con

a. Hoàn cảnh người con nhớ đến mẹ:

+ Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gặp lá com nếp – một loài cây nhỏ, mọc hoang, có hương thơm giống com nếp nên được đặt là lá com nếp.

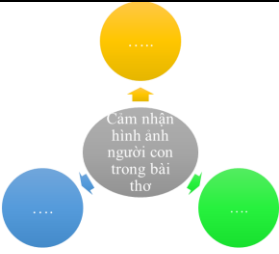
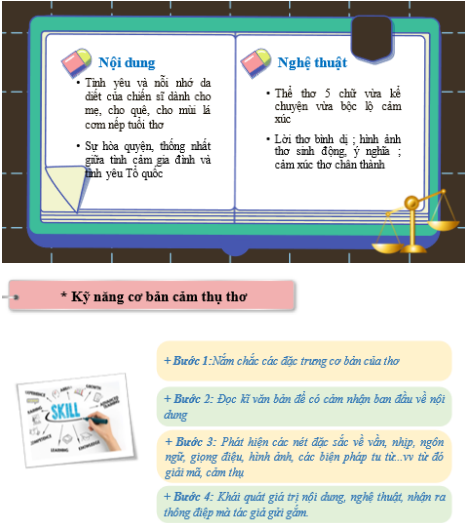
+ Chính hương vị của com nếp đã gợi cho anh nhớ làn khói xôi bay ngang tầm mắt, thềm bát xôi mùa gặt có hương thơm lạ lùng, từ đó nhớ đến hình ảnh thân thương của người mẹ bên bếp lửa đang nấu xôi.

-> Hoàn cảnh đặc biệt mà người lính trải qua trong những năm chiến tranh

-> Thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận thiên nhiên, thể giới tình cảm phong phú và ý thức trách nhiệm lớn lao với gia đình, quê hương, đất nước.

b. Hình ảnh người mẹ trong

gặt) hoặc còn gọi là tết cơm mới. + Hình ảnh mẹ đi nhặt lá về đun bếp → việc nấu cơm nếp khó khăn. - GV yêu cầu HS nêu cảm nhận về hình ảnh người mẹ. - GV chuyển ý phần 3. - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ thứ ba và chỉ ra cụm từ có cách kết hợp đặc biệt. Tình cảm, cảm xúc của người con thể hiện là gì? - GV hướng dẫn HS thảo luận và điền sơ đồ câu hỏi 4 SGK tr.44.	-HS nêu cảm nhận cá nhân về hình ảnh người mẹ. - HS đọc thơ - HS tìm nhanh, HS nêu suy nghĩ cá nhân. * Dự kiến sản phẩm: - Các cụm từ có các kết hợp đặc biệt: <i>mùi vị quê hương, chia đều nỗi nhớ thương.</i> - Tình cảm, cảm xúc của người con: qua chi tiết đặt song song 2 hình ảnh “Mẹ già và đất nước”: phép liệt kê + cấu trúc sóng đôi-> Đẹp đẽ, quý giá, thiêng liêng; Nguồn động lực lớn để con vững vàng chiến đấu; chi tiết người lính “Chia đều nỗi nhớ thương” -> Cho thấy sự gắn bó, hài hòa, thống nhất của những tình cảm thiêng liêng (tình cảm gia đình lòng trong tình yêu Tổ quốc). - HS trao đổi cặp đôi, thống nhất ý kiến. - HS trình bày sơ đồ	kí ức của con: - Nghèo, thương con, tần tảo vất vả, lội cùi nấu nồi cơm, vùi xuống lớp tro, ủ cho cơm chín lên hương trong góc bếp nhỏ. 3. Hình ảnh người lính trong bài thơ + Yêu gia đình, thương mẹ. + Yêu quê hương, đất nước. + Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế.
---	---	---

	* Sản phẩm dự kiến: 	
Hoạt động 2.3. Tổng kết		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV hướng dẫn HS suy nghĩ, phát biểu ý kiến câu hỏi 5 SGK.	- HS suy nghĩ, trao đổi cặp để tìm hiểu tác dụng của thể thơ năm chữ trong việc biểu đạt tình cảm của nhà thơ. - HS trả lời. * Dự kiến sản phẩm: - Tác dụng của thể thơ năm chữ trong việc thể hiện cảm xúc của bài thơ: thể hiện một cách hàm súc tình cảm, tấm lòng của người con đối với quê hương, đất nước và mẹ của mình; khơi gợi tâm tình của người con dành cho quê hương và người mẹ. Tình yêu ấy đã được hiện thực hoá thành hành động thực tiễn. Người con cảm sủng ra đi bảo vệ đất nước, bảo vệ quê hương, cũng là bảo vệ cuộc sống bình yên cho gia đình, cho người mẹ của mình. Và đây mới là biểu hiện cao quý nhất của tình yêu thương.	III. Tổng kết  * Kỹ năng cơ bản cảm thụ thơ + Bước 1: Nắm chắc các đặc trưng cơ bản của thơ + Bước 2: Đọc kĩ văn bản để có cảm nhận ban đầu về nội dung + Bước 3: Phát hiện các nét đặc sắc về văn, nhịp, ngôn ngữ, giọng điệu, hình ảnh, các biện pháp tu từ...vv từ đó giải mã, cảm thụ + Bước 4: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật, nhận ra thông điệp mà tác giả gửi gắm.

- GV yêu cầu HS tổng kết kiến thức, kỹ năng qua sơ đồ tư duy.	- HS khái quát kiến thức kỹ năng qua sơ đồ tư duy.																
HOẠT ĐỘNG 3: VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC Mục tiêu: Viết được đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về nỗi nhớ thương mẹ của người con trong bài thơ <i>Gặp lá cơm nếp</i>.																	
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập															
Hướng dẫn viết đoạn văn - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu. - GV trao đổi, gợi ý nội dung viết. - Thực hành viết. Đọc bài viết và nhận xét, đánh giá.	- HS đọc đề - Xác định yêu cầu: - Về hình thức - Về nội dung - HS viết đoạn văn. - HS đọc bài viết của mình, soi chiếu vào tiêu chí đánh giá. - HS khác nhận xét, góp ý.	Hướng dẫn viết: - Hình thức: Đoạn văn 5 – 7 câu - Nội dung: - Nêu cảm nghĩ về nỗi nhớ thương mẹ của người con trong bài thơ. - Nêu cảm nhận về hình thức nghệ thuật (biện pháp tu từ, giọng điệu) góp phần thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình. - Nhận xét, đánh giá được đoạn văn đã viết theo các tiêu chí: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="3">Tiêu chí đánh giá</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td><td>Dung lượng đoạn văn</td><td style="text-align: center;">1.0 đ</td></tr> <tr> <td style="text-align: center;">2</td><td>Giới thiệu bài thơ và cảm nhận chung</td><td style="text-align: center;">1.0 đ</td></tr> <tr> <td style="text-align: center;">3</td><td>Nêu suy nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ.</td><td style="text-align: center;">4.0 đ</td></tr> <tr> <td style="text-align: center;">4</td><td>Cảm nhận tác dụng của thể thơ, hình ảnh thơ trong việc biểu đạt tình</td><td style="text-align: center;">2.0 đ</td></tr> </tbody> </table>	Tiêu chí đánh giá			1	Dung lượng đoạn văn	1.0 đ	2	Giới thiệu bài thơ và cảm nhận chung	1.0 đ	3	Nêu suy nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ.	4.0 đ	4	Cảm nhận tác dụng của thể thơ, hình ảnh thơ trong việc biểu đạt tình	2.0 đ
Tiêu chí đánh giá																	
1	Dung lượng đoạn văn	1.0 đ															
2	Giới thiệu bài thơ và cảm nhận chung	1.0 đ															
3	Nêu suy nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ.	4.0 đ															
4	Cảm nhận tác dụng của thể thơ, hình ảnh thơ trong việc biểu đạt tình	2.0 đ															

			<i>cảm đó.</i>	
		5	<i>Diễn đạt mạch lạc</i>	2.0 <i>đ</i>

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

Mục tiêu: Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV nêu yêu cầu: <i>? Em hãy tìm đọc bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh và chỉ ra điểm tương đồng với bài thơ “Gặp lá cơm nếp” (Về hình thức và nội dung).</i> - Gợi ý: Sử dụng sơ đồ VEN.	- HS làm việc cá nhân tại nhà: - Tìm đọc bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh. - Sử dụng sơ đồ Ven: Viết ra điểm tương đồng về nội dung và hình thức so với bài thơ “Gặp lá cơm nếp”.	HS trình bày được sơ đồ VEN chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa hai bài thơ.

DẶN DÒ

- HS hoàn thành bài tập
- HS chuẩn bị nội dung tiết 20: Trở gió

ĐỌC
VĂN BẢN 3. TRỞ GIÓ (1 tiết)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Chia sẻ đoạn phim tư liệu, bài hát, tranh vẽ,... về miền tây Nam Bộ.
- Khơi gợi hứng thú cho học sinh để tiếp nhận bài mới.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
– Tổ chức cho HS báo cáo kết quả đã chuẩn bị nhiệm vụ ở nhà: + Những đoạn phim tư liệu, tranh ảnh, bài hát về miền tây Nam Bộ. + Chia sẻ hiểu biết về gió chướng, cảm nhận của bản thân khi được đón gió chướng về. – GV dẫn dắt vào bài.	– HS trình bày kết quả sưu tầm. – HS chia sẻ cảm nhận về gió chướng.	– Tạo được không khí cởi mở khi chia sẻ và tâm thế tích cực tiếp nhận bài học. – Giới thiệu được một số tỉnh của miền tây Nam Bộ. – Chia sẻ được những cảm nhận khi được trực tiếp đón gió chướng và những hiểu biết về gió chướng.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Đọc văn bản và tìm hiểu chung

Mục tiêu:

- Đọc diễn cảm, lưu loát, ngữ điệu nhẹ nhàng, thiết tha.
- Hiểu nghĩa từ ngữ khó.
- Nêu được những nét chính về tác giả, tác phẩm.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
– Đọc văn bản: + GV đọc mẫu đoạn đầu. + HS đọc nối tiếp.	– HS đọc thầm. – 3 HS đọc nối tiếp.	I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản, chú thích – Đọc đúng tốc độ, ngữ điệu. – Đọc diễn cảm.
– Tìm hiểu nghĩa từ ngữ khó.	– HS nêu nghĩa một số từ ngữ khó: <i>mừng húm, gấp rã, linh đình, xà quần.</i>	Nêu được nghĩa từ ngữ khó dựa vào chú giải chân trang.

- Nêu những nét chính về tác giả (tên tuổi, quê quán, sự nghiệp sáng tác, phong cách sáng tác), tác phẩm (năm sáng tác, xuất xứ, thể loại, bố cục).	- Thảo luận nhóm cặp để trả lời câu hỏi của GV	2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư (1976), quê Cà Mau Sáng tác nhiều thể loại: truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết, ... Phong cách: Trong sáng, thể hiện tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, đậm màu sắc Nam Bộ Xuất xứ: Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư Thể loại: Tạp văn Bố cục: +Đoạn 1: Tâm trạng háo hức khi chờ gió chướng về +Đoạn 2-3-4: Những cảm xúc, kỉ niệm với gió chướng +Đoạn 5-6: Gió chướng gợi nhớ quê nhà  
--	---	--

Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản

Mục tiêu:

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu, cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, so sánh, nhân hóa...
- Cảm nhận được tình yêu, sự gắn bó của người viết đối với quê hương.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu bài tập. – GV quan sát các nhóm làm việc và hỗ trợ khi cần thiết.	HS thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu bài tập.	II. Khám phá văn bản 1. Hình ảnh gió chướng  âm thanh "sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoảng và e dè"  Thái độ, cảm xúc, hành động "e dè", "ngại ngán", "mùng hùm"; "hùng hực"; "đạt dào"; "xấp xải"; "cuống quýt"; "cồn cào"; "nóng nhiệt"; "dịu dàng"  Biện pháp tu từ Nhân hóa + So sánh + Ẩn dụ → Gió như một người bạn cố tri trở lại chốn cũ thăm bạn mình → Gió chướng được miêu tả từ xa đến gần, từ khê khàng đến ồn ào, từ mơ hồ đến rõ nét

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm những chi tiết, hình ảnh miêu tả gió chướng Nhóm/Học sinh: Lớp:.....  âm thanh  "tính cách", "tâm trạng", "cảm xúc"  Biện pháp tu từ 	
– Hướng dẫn HS trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và thống nhất ý kiến. – GV tổ chức cho HS làm việc các nhân, lí giải “<i>Mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch</i>” – GV thu tóm các ý chính và thống nhất câu trả lời.	– Lắng nghe, ghi bài – 1 số HS trình bày nội dung phiếu, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến. - Tìm hiểu các chi tiết trong văn bản. - Một số HS trình bày.
- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, hoàn thiện PHT số 2 – GV quan sát các nhóm làm việc và hỗ trợ khi cần thiết. - Thông qua những biểu hiện về tình cảm, cảm xúc của tác giả với gió chướng, em có nhận xét gì về tác giả?	- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động Think – Write – Pair – Share

2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả với gió chướng


a/ Khi chờ gió chướng về



Mong chờ da diết → Ngạc nhiên khi bắt gặp những tín hiệu đầu tiên (qua tiếng chướng gió) → Vui mừng, xúc động thốt lên “Ồ! Gió chướng!”

“Vẫn mong gió chướng về” vì nó gắn với niềm vui trẻ nghèo được sắm Tết, gần với mùa thu hoạch – mùa của sự ấm no, hi vọng

“Buồn, buồn muốn chết” vì bão hiệu sắp hết năm, già thêm 1 tuổi mà chưa làm được gì; cảm giác như “ai đó đuổi đằng sau”, làm gì cũng phải gấp rút

→ Gió chướng có ý nghĩa quan trọng với tác giả nói riêng và với người dân Nam Bộ nói chung. Nó vừa là sự lo lắng, lại cũng là niềm vui, niềm hi vọng của người dân

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌNH CẢM, CẢM XÚC CỦA TÁC GIẢ VỚI GIÓ CHUÔNG		
Thời điểm	Biểu hiện	
a/ Khi chờ gió chuông về		
b/ Khi gió chuông gợi nhớ quê		

b/ Khi gió chuông gợi nhớ quê

Gió chuông "gợi" khủng khiếp, khiến tác giả nhớ những kỉ niệm, kỉ ức tuổi thơ, nhớ quê hương.

Điều được "gợi": Hình ảnh và âm thanh quen thuộc của làng quê ; Hình ảnh thân thương của má ; Bầu không khí cuối năm ở quê nhà

Vật chất có sẵn ở siêu thị "dưa hấu, dưa kiệu, dưa hành, bánh chưng, bánh tét" >< Tinh thần thiếu thốn "có ai bán một mùa gió cho tôi?"
→ Khẳng định gió chuông là 1 phần không thể thiếu của ngày Tết.

=> Người tinh tế, nhạy cảm với sự thay đổi của thời tiết và tạo vật

=> Người con yêu quê hương, yêu đất nước tha thiết

Hoạt động 2.3. Tổng kết								
- Khái quát kiến thức, kĩ năng đã học. - Kết nối chủ đề văn bản Đồng dao mùa xuân, Gặp lá cơm nếp.								
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập						
- GV tổ chức cho HS tham gia phần thi ghép nối	- HS làm việc cá nhân, ghép những thông tin vào cột tương ứng	III. Tổng kết GHÉP NỐI <table><tr><th>ĐỀ TÀI</th><th>CHỦ ĐỀ</th><th>NGHỆ THUẬT</th></tr><tr><td>Nỗi nhớ quê hương và những kỉ niệm tuổi thơ</td><td>Hình ảnh gần gũi, thân thương của làng quê trong kí ức nhà văn, gắn liền với gió chuông</td><td>-Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa -Lời văn bình dị, trong sáng tự nhiên, tràn đầy cảm xúc - Nhiều từ ngữ địa phương, đậm màu sắc Nam Bộ</td></tr></table>	ĐỀ TÀI	CHỦ ĐỀ	NGHỆ THUẬT	Nỗi nhớ quê hương và những kỉ niệm tuổi thơ	Hình ảnh gần gũi, thân thương của làng quê trong kí ức nhà văn, gắn liền với gió chuông	-Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa -Lời văn bình dị, trong sáng tự nhiên, tràn đầy cảm xúc - Nhiều từ ngữ địa phương, đậm màu sắc Nam Bộ
ĐỀ TÀI	CHỦ ĐỀ	NGHỆ THUẬT						
Nỗi nhớ quê hương và những kỉ niệm tuổi thơ	Hình ảnh gần gũi, thân thương của làng quê trong kí ức nhà văn, gắn liền với gió chuông	-Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa -Lời văn bình dị, trong sáng tự nhiên, tràn đầy cảm xúc - Nhiều từ ngữ địa phương, đậm màu sắc Nam Bộ						
GHÉP NỐI <table><tr><th>ĐỀ TÀI</th><th>CHỦ ĐỀ</th><th>NGHỆ THUẬT</th></tr><tr><td> *Nỗi nhớ quê hương và những kỉ niệm tuổi thơ *Nhiều từ ngữ địa phương, đậm màu sắc Nam Bộ </td><td> *Lời văn bình dị, trong sáng tự nhiên, tràn đầy cảm xúc *Hình ảnh gần gũi, thân thương của làng quê trong kí ức nhà văn, gắn liền với gió chuông </td><td> *Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa </td></tr></table>			ĐỀ TÀI	CHỦ ĐỀ	NGHỆ THUẬT	*Nỗi nhớ quê hương và những kỉ niệm tuổi thơ *Nhiều từ ngữ địa phương, đậm màu sắc Nam Bộ	*Lời văn bình dị, trong sáng tự nhiên, tràn đầy cảm xúc *Hình ảnh gần gũi, thân thương của làng quê trong kí ức nhà văn, gắn liền với gió chuông	*Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa
ĐỀ TÀI	CHỦ ĐỀ	NGHỆ THUẬT						
*Nỗi nhớ quê hương và những kỉ niệm tuổi thơ *Nhiều từ ngữ địa phương, đậm màu sắc Nam Bộ	*Lời văn bình dị, trong sáng tự nhiên, tràn đầy cảm xúc *Hình ảnh gần gũi, thân thương của làng quê trong kí ức nhà văn, gắn liền với gió chuông	*Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa						
- Nhận xét về thể loại văn bản “Trở gió” với thể loại 2 văn bản “Đồng dao mùa xuân” và “Gặp lá cơm nếp”. Chỉ ra sự kết nối về mặt chủ đề của 3 văn bản.	- Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi							

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP		
Mục tiêu: - Áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập, đời sống.		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
		Hướng dẫn viết:

- Yêu cầu HS viết đoạn văn khoảng 5-7 câu nêu cảm nghĩ của em về tình yêu của tác giả với gió chướng. - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu. - GV trao đổi, gợi ý nội dung viết. - GV nhận xét, khen ngợi, tổng kết bài học.	- HS viết đoạn văn nêu cảm nghĩ.	- Hình thức: Đoạn văn 5 – 7 câu - Nội dung: + Nêu cảm nghĩ về tình yêu của tác giả với gió chướng + Nêu cảm nhận về hình thức nghệ thuật góp phần thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình. - Nhận xét, đánh giá được đoạn văn đã viết theo các tiêu chí: <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="3">Tiêu chí đánh giá</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Dung lượng đoạn văn</td><td>1.0đ</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Giới thiệu bài thơ và cảm nhận chung</td><td>1.0đ</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Nêu suy nghĩ về tình yêu của tác giả với gió chướng</td><td>4.0đ</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Cảm nhận tác dụng hình thức nghệ thuật</td><td>2.0đ</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Diễn đạt mạch lạc</td><td>2.0đ</td></tr> </tbody> </table>	Tiêu chí đánh giá			1	Dung lượng đoạn văn	1.0đ	2	Giới thiệu bài thơ và cảm nhận chung	1.0đ	3	Nêu suy nghĩ về tình yêu của tác giả với gió chướng	4.0đ	4	Cảm nhận tác dụng hình thức nghệ thuật	2.0đ	5	Diễn đạt mạch lạc	2.0đ
Tiêu chí đánh giá																				
1	Dung lượng đoạn văn	1.0đ																		
2	Giới thiệu bài thơ và cảm nhận chung	1.0đ																		
3	Nêu suy nghĩ về tình yêu của tác giả với gió chướng	4.0đ																		
4	Cảm nhận tác dụng hình thức nghệ thuật	2.0đ																		
5	Diễn đạt mạch lạc	2.0đ																		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu: Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kỹ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- Giao BTVN: Đối với tác giả, gió chướng gợi nhớ đến quê nhà. Vậy đối với em, khi xa nhà, em sẽ nhớ đến điều gì? Viết 1 đoạn văn ngắn / vẽ lại hình ảnh tái hiện lại điều em sẽ nhớ đến khi xa quê.	- Làm việc cá nhân, viết đoạn văn / vẽ tại nhà. - Up bài lên Padlet	- HS viết đoạn văn theo yêu cầu: - Hình thức: một đoạn văn ngắn/ tranh vẽ. - Nội dung: tái hiện điều em sẽ nhớ khi xa quê.

DẶN DÒ

HS hoàn thành bài tập; chuẩn bị nội dung tiết 21: Thực hành tiếng Việt (Nghĩa của từ; biện pháp tu từ).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (1 tiết)
(NGHĨA CỦA TỪ, BIỆN PHÁP TU TỪ)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi tiếp nhận bài mới.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
– GV cho HS quan sát một số hình ảnh, yêu cầu đặt câu có hình ảnh so sánh, nhân hóa, điệp ngữ phù hợp với bức tranh. – Suy nghĩ, đặt câu phù hợp với bức tranh.   	- HS trình bày miệng	HS đặt câu có hình ảnh so sánh, nhân hóa, điệp ngữ: - Về hình thức: đúng ngữ pháp. - Nội dung: phù hợp nội dung bức tranh.

HOẠT ĐỘNG 2: Củng cố kiến thức

Mục tiêu: Ôn tập, củng cố kiến thức đã học về biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh, điệp ngữ.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập												
– GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh, điệp ngữ.. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide.	– Một số HS nhắc lại khái niệm.	- Trình bày được khái niệm biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học.												
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP <i>Mục tiêu:</i> Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh. – Xác định được nghĩa của một số từ ngữ. – Xác định được biện pháp tu từ điệp ngữ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này.														
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập												
(1) Bài tập 1: Tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 1. PHIẾU HỌC TẬP <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr style="background-color: #4a7ebb; color: white;"> <th>Từ</th><th>Nghĩa của từ</th><th>Nhận xét</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="4" style="background-color: #4a7ebb; color: white; text-align: center; vertical-align: middle;"> Gặp (Gặp lá cơm nếp) </td><td style="height: 20px;"></td><td style="height: 20px;"></td></tr> <tr> <td style="height: 20px;"></td><td style="height: 20px;"></td></tr> <tr> <td style="height: 20px;"></td><td style="height: 20px;"></td></tr> <tr> <td style="height: 20px;"></td><td style="height: 20px;"></td></tr> </tbody> </table>	Từ	Nghĩa của từ	Nhận xét	Gặp (Gặp lá cơm nếp)									(1) HS làm BT 1 thông qua phiếu học tập.	(1) - Trình bày được nghĩa của từ; chỉ ra cái hay của cách dùng từ <i>gặp</i> trong nhan đề <i>Gặp lá cơm nếp</i>: – <i>Gặp</i>: giáp mặt, tiếp xúc với nhau. – Tác giả dùng từ gặp để thể hiện tình cảm, thái độ của người lính với lá cây cơm nếp. Gặp lá cây cơm nếp như được tiếp xúc với một con người – một người bạn cũ. Từ “gặp” mà tác giả sử dụng chứa đựng cả sự vui mừng,
Từ	Nghĩa của từ	Nhận xét												
Gặp (Gặp lá cơm nếp)														

(2) Bài tập 2: Tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 2.

PHIẾU HỌC TẬP

Từ	Nghĩa của cụm từ
mùi vị (mùi vị thức ăn, mùi vị trái chín, mùi vị của nước giải khát)	
mùi vị (mùi vị quê hương)	

(3) Bài tập 3: Yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi: *Trình bày cách hiểu về nghĩa của từ **mùi vị** thông thường và trong bài thơ.*

(4) Bài tập 4: GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. Trao đổi thảo luận nhóm đôi.

2) HS làm BT 2 thông qua phiếu học tập.

(3) HS suy nghĩ và giải nghĩa từ. GV quan sát, hỗ trợ HS.

(4) HS trao đổi nhóm đôi trả lời bài tập 4.

triu mến.

(2)

Chỉ ra được nghĩa của cụm từ thơm suốt đường con được tác giả sử dụng trong khổ thơ: Biểu tượng của hương vị quê nhà, tình cảm gia đình triu mến, thân thương theo mỗi bước chân của người lính.

(3)

- Hiểu và giải thích được ý nghĩa của từ “mùi vị”:

+ mùi vị (mùi vị thức ăn, mùi vị trái chín, mùi vị nước giải khát): hơi tỏa ra từ vật, có thể nhận biết được bằng mũi, lưỡi.

+ mùi vị (mùi vị quê hương): *vừa chỉ hương vị cụ thể, riêng có của quê nhà, vừa chỉ một sắc thái đặc trưng của quê hương.*

(4)

- Nhận xét được cách kết hợp giữa các từ trong hai câu thơ: Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương: *cách kết hợp từ ngữ đặc biệt giúp nhà thơ diễn tả được chiều sâu tâm tư, tình cảm*

(5) Bài tập 5: GV tổ chức làm việc nhóm 4 HS.

PHIẾU HỌC TẬP

Câu	Biện pháp tu từ	Tác dụng
a. Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được, như ai đó đuổi theo đằng sau, tôi gấp rải ăn, gấp rải nói, gấp rải cười, gấp rải khi ngày bắt đầu rụng xuống.		
b. Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tình tang, thoáng và e dè, như ai đó đang đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần không biết người xưa có còn nhớ ta không.		

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide.

(5) HS thực hiện làm bài tập nhóm thông qua phiếu học tập.

của người lính trên đường ra mặt trận. Họ ra đi vì mục đích lớn lao nhưng trong lòng vẫn đau đáu một nỗi nhớ thương về nơi “giếng nước”, “gốc đa” quê nhà.

(5)

Xác định đúng BPTT và nêu được tác dụng của BPTT đó.

a) BPTT điệp ngữ (*không, gấp rải*):

+ Điệp ngữ *không*: nhấn mạnh cảm xúc buồn, hơi tiếc vì mất một cái gì đó – một thứ rất mơ hồ, khó gọi thành tên.

+ Điệp ngữ *gấp rải*: nhấn mạnh hành động khẩn trương, gấp gáp của nhân vật “tôi” khi phải chứng kiến bước đi vội vã của thời gian.

b) BPTT so sánh giúp cho sự vật hiện lên sinh động, cụ thể, gợi hình, gợi cảm, làm nổi bật tính chất nhẹ nhàng, dịu êm, trong trẻo của thanh âm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu: Viết được đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS : Viết đoạn văn ngắn miêu tả cảnh thiên nhiên, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ. - GV sẽ mời một vài HS đọc đoạn văn cho cả lớp nghe trong tiết học tiếp theo - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- HS làm việc cá nhân - Các HS còn lại sẽ dán các đoạn văn của mình lên bảng phụ để giờ ra chơi, cả lớp cùng tham khảo lẫn nhau	HS viết đoạn văn theo yêu cầu: - Hình thức: Đoạn văn ngắn - Nội dung: Miêu tả cảnh thiên nhiên - Yêu cầu tiếng Việt: Sử dụng biện pháp tu từ.

DẶN DÒ

- HS hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị bài học mới: tiết 22- Viết: Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

VIẾT
TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ (1 tiết)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Đọc bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, tìm hiểu cách gieo vần và xác định được đề tài.
- Khởi gợi, tạo hứng thú tiếp nhận bài học.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- Tổ chức cho HS đọc thơ bốn chữ, năm chữ cho cả lớp cùng nghe. - Chia sẻ trải nghiệm làm thơ bốn chữ, năm chữ.	- Đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ em thích. - Chia sẻ trải nghiệm: <i>Em đã từng làm thơ bốn chữ, năm chữ chưa?</i>	- Đọc đúng bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. - Chia sẻ được những trải nghiệm của bản thân (đã làm/ chưa làm).

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ, năm chữ

Mục tiêu: Hiểu được các yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ, năm chữ về số tiếng, số dòng, vần, nhịp, thanh....

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đối với một bài thơ bốn chữ, năm chữ: - Về số tiếng - Về vần thơ - Về nhịp thơ	- HS suy nghĩ và phát biểu về một bài thơ bốn chữ, năm chữ đúng yêu cầu: - Về số tiếng - Về vần thơ - Về nhịp thơ	- Nhắc lại được tri thức Ngữ văn về số tiếng trong một dòng thơ, vần thơ, nhịp thơ của thể thơ bốn chữ, năm chữ. - Về nội dung: gần gũi, phù hợp lứa tuổi, bộc lộ những tình cảm đẹp đẽ, chân thành, trong sáng. - Ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, sinh động, gợi cảm.

Hoạt động 2.2. Tham khảo bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Mục tiêu:

Phân tích bài mẫu, rút ra được những yêu cầu của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV hướng dẫn HS làm	- HS thảo luận nhóm:	- Trình bày được kết quả phân tích

việc nhóm phân tích một bài thơ bốn chữ, năm chữ mẫu. - Yêu cầu HS trình bày những điểm cần lưu ý khi sáng tác một bài thơ bốn chữ, năm chữ và thống nhất ý kiến.	+ Đọc bài thơ mẫu. + Phân tích, đối chiếu với yêu cầu. + Đánh giá mức độ “Đạt yêu cầu”. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung ý kiến.	bài thơ bốn chữ, năm chữ. - Rút ra được những kinh nghiệm, những điều lưu ý khi sáng tác.
--	---	--

Hoạt động 2.3. Thực hành viết theo các bước

Mục tiêu: Thực hiện được các bước tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập	
1. Khởi động viết - Xác định đề tài và định hướng cảm xúc.	- HS đọc gợi ý SGK.	- Chọn được một đề tài gợi cảm xúc cho bản thân.	
2. Thực hành viết	- HS thực hiện theo các bước SGK hướng dẫn. - HS trao đổi với GV những điều còn băn khoăn, đề xuất ý kiến cá nhân.	Chosen đề tài	
		Lựa chọn thể thơ	
		Viết 1 - 2 dòng thơ đầu	
		Viết dòng tiếp theo	
		Sử dụng biện pháp tu từ, từ láy,...	
3. Chỉnh sửa	- Đọc lại bài viết - Kiểm tra các yêu cầu của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ.	- Hoàn thành bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ tự làm, đúng về đặc điểm hình thức, nội dung gần gũi, ngôn từ tự nhiên, giản dị.	

	- Sửa lỗi chính tả, diễn đạt, dùng từ. - Nộp lại bài hoàn chỉnh cho GV chấm. → Dán vào hồ sơ môn học sau khi được GV trả bài.	
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP Mục tiêu: Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
GV tổ chức cho HS thi sáng tác thơ bốn chữ, năm chữ theo nhóm với chủ đề tự chọn.	- HS sáng tác - HS trình bày sản phẩm.	Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG Mục tiêu: Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kỹ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
BTVN: HS tự sáng tác một bài thơ theo chủ đề thầy cô và mái trường.	HS sáng tác và upload lên trang facebook cá nhân	HS sáng tác đúng thể thơ bốn chữ, năm chữ với nội dung ý nghĩa theo chủ đề.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU HỌC TẬP		
<i>Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mẫu:</i>		
Phân tích, đánh giá	Đạt yêu cầu	Chưa đạt
Số tiếng		
Gieo vần		
Ngắt nhịp		
<i>Nhận xét chung:</i>		
.....		

Phụ lục 2.

<u>Chọn đề tài</u>	
<u>Lựa chọn thể thơ</u>	
Viết 1 - 2 dòng thơ đầu	
Viết dòng tiếp theo	
<u>Sử dụng biện pháp tu từ, từ láy,...</u>	

Phụ lục 3

Yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	
Hình thức nghệ thuật	Số tiếng trong mỗi dòng thơ (bốn tiếng hoặc năm tiếng)
	Các dòng thơ bắt vần với nhau (vần liền, vần cách, vần hỗn hợp)
	Nhịp thơ phù hợp với cảm xúc
	Hình ảnh để biểu đạt cảm xúc
	Biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm
Nội dung	Cảm xúc của em
	Thông điệp mà em gửi gắm qua bài thơ

DẶN DÒ

- Hoàn thành bài tập
- Soạn bài tiết 23.24: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

VIẾT
VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC
SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ (2 tiết)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Nhớ lại bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ đã đọc, chia sẻ về cảm xúc về bài thơ đó.
- Khởi gợi, tạo hứng thú tiếp nhận bài học.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/Sản phẩm học tập
- Tổ chức cuộc giao lưu: “Em là thi sĩ.” - Chia sẻ cảm xúc	- Đọc bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ đã sáng tác ở tiết trước. - Chia sẻ cảm xúc về bài thơ (chủ đề, ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu,...)	- Trình bày bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ đã sáng tác ở tiết trước. - Chia sẻ được những cảm xúc về bài thơ (ấn tượng sâu đậm, thú vị, gợi nhiều liên tưởng,...)

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu yêu cầu

Mục tiêu: Trình bày được các yêu cầu khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. – Khái quát yêu cầu bằng sơ đồ.	HS nêu ý kiến: – Yêu cầu về hình thức. – Yêu cầu về nội dung.	Yêu cầu viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ <i>Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có)</i> <i>Nêu cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung bài thơ.</i> <i>Thể hiện cảm nhận về một số yếu tố nghệ thuật (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, ...)</i>
--	---	---

Hoạt động 2.2. Phân tích bài viết tham khảo

Mục tiêu: Phân tích bài viết mẫu, rút ra được những lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

- Hướng dẫn HS thảo luận bài viết tham khảo qua	- HS đọc bài mẫu. - Thảo luận nhóm:	- Thực hiện đúng kỹ thuật phân tích bài viết tham khảo:
---	--	---

phiếu thảo luận trong Phụ lục 1. - Trao đổi và thống nhất ý kiến.	+ Đối chiếu bài viết với yêu cầu. + Đánh giá, nhận xét, rút ra kinh nghiệm khi viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, góp ý.	+ Đọc bài viết (bên trái) + Phân tích các yêu cầu (bên phải) - Rút ra được những điểm lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
--	---	---

Hoạt động 2.3. Thực hành viết theo các bước

Mục tiêu: Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ theo các bước.

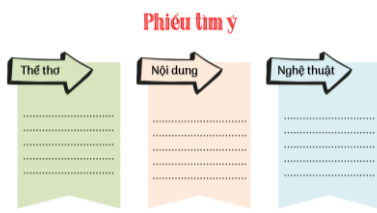
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/Sản phẩm học tập
1. Trước khi viết * Lựa chọn bài thơ - Xác định mục đích viết và đối tượng đọc. - Lựa chọn đề tài bằng kỹ thuật công não (nói).	- HS phát biểu ý kiến. - HS phát biểu đề tài mình sẽ viết và lắng nghe góp ý của GV và các bạn.	- Xác định được mục đích viết và đối tượng đọc: + Mục đích viết: đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. + Người đọc tiềm năng: giáo viên, các bạn, người thân,... - Lựa chọn được đề tài để viết.
* Tìm ý GV hướng dẫn HS tìm ý bằng cách trả lời câu hỏi trong phiếu. (Phiếu tìm ý trong Phụ lục 2)	- HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu tìm ý: + Đọc bài thơ nhiều lần. + Dùng kỹ thuật ghi	- Ghi được các ý tưởng nảy sinh khi đọc bài thơ bằng những cụm từ ngắn gọn và trả lời được các câu hỏi trong phiếu tìm ý.

	nhánh ý tưởng xuất hiện khi đọc. + Trả lời câu hỏi trong phiếu tìm ý.	
* Lập dàn ý - GV hướng dẫn HS lập dàn ý. - GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).	- HS đọc dàn ý SGK tr.52 - HS sắp xếp các ý đã tìm được thành dàn ý. - Trao đổi với GV nếu gặp khó khăn.	Lập dàn ý bài viết theo sơ đồ sau: Dàn ý viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ Mở đoạn Thân đoạn Kết đoạn Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả; nêu ấn tượng, cảm xúc chung của bài thơ Nêu cảm xúc về nội dung chính; ý nghĩa chủ đề; cảm nhận một số yếu tố hình thức nghệ thuật. Khái quát những cảm xúc về bài thơ.
2. Viết bài - Giao nhiệm vụ cho HS viết bài. - GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).	- HS đọc lưu ý khi viết bài. - Thực hành viết. - Trao đổi với GV nếu gặp khó khăn.	Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về bài thơ bốn chữ, năm chữ: - Về hình thức: + Đảm bảo quy cách trình bày đoạn văn, viết hoa lùi đầu dòng và dùng dấu chấm câu kết thúc đoạn. + Đủ 3 phần: mở đoạn - thân đoạn - kết đoạn. + Liên kết các câu trong đoạn, hướng về chủ đề chung. - Nội dung: + Bám sát các yếu tố khơi gợi cảm xúc (nhân đề, thể thơ, nhịp

		thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...) + Thể hiện cảm xúc qua hệ thống từ ngữ có giá trị biểu cảm.
3. Chỉnh sửa bài viết	HS rà soát, chỉnh sửa theo hướng dẫn SGK tr.53	- Đọc lại bài, rà soát chỉnh sửa bài viết.
Hoạt động 2.4: Trả bài – Chỉnh sửa bài viết Mục tiêu: - Nhận xét được những ưu điểm, nhược điểm trong bài chữa trước lớp. - Rút kinh nghiệm để các bài tiếp theo sẽ làm tốt hơn.		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV trả bài cho HS và hướng dẫn HS tự chỉnh sửa bài viết theo bảng tiêu chí và nhận xét của GV được ghi trong bài. (Phụ lục 2) - Tổ chức làm việc nhóm đôi rút kinh nghiệm cho nhau.	- HS làm việc cá nhân rà soát, chỉnh sửa theo hướng dẫn SGK tr.53. - Làm việc nhóm đôi, lần lượt đọc bài viết của bạn và rút kinh nghiệm cho nhau. - HS phát biểu ý kiến.	- Tự phát hiện được ưu, khuyết điểm trong bài viết của mình theo bảng hướng dẫn chỉnh sửa. - Rút kinh nghiệm được cho nhau trong nhóm về ưu điểm, tồn tại của bài viết. - Rút ra được bài học kinh nghiệm về: + Quy cách đoạn văn. + Nội dung viết.
GV chữa bài HS: - Đưa các tiêu chí chấm điểm bài viết. - GV chọn đọc 03 bài trước lớp. - Lần lượt rút kinh nghiệm từng bài.	- Tìm hiểu tiêu chí chấm điểm. - Lắng nghe, quan sát bài viết trên máy chiếu. - Nhận xét ưu, khuyết điểm và rút ra bài học kinh nghiệm.	- Đối chiếu bài viết với tiêu chí. - Nhận xét được ưu, khuyết điểm trong từng bài.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Mục tiêu: Viết được đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV tổ chức cho HS Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Gặp lá cơm nếp” - GV phát phiếu tìm ý 	- HS hoạt động nhóm, hoàn thiện Phiếu tìm ý và lên ý tưởng viết đoạn văn - GV quan sát, hỗ trợ.	- Thể thơ: 5 chữ - Nội dung: + Tình yêu thương và nỗi nhớ tha thiết của người chiến sĩ dành cho mẹ, cho quê hương được gợi ra từ mùi lá cơm nếp anh tình cờ gặp trên đường hành quân. + Sự hòa quyện, thống nhất giữa tình cảm gia đình với tình yêu Tổ quốc. - Hình thức: + Thể thơ 5 chữ thích hợp với việc vừa kể chuyện vừa bộc lộ cảm xúc + Hình ảnh thơ đẹp, dung dị + Từ ngữ chọn lọc, giàu cảm xúc, giàu ý nghĩa tượng trưng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu:

Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
BTVN: Dựa vào dàn ý của nhóm và phần chỉnh sửa, tự viết đoạn văn.	HS hoàn thiện đoạn văn	HS hoàn thành đoạn văn: - Hình thức: Đoạn văn - Nội dung: Ghi lại cảm xúc về bài thơ “Gặp lá cơm nếp”

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

<u>Câu văn giới thiệu tên bài thơ và tác giả</u>	
<u>Câu văn nêu ấn tượng, cảm xúc chung bài thơ</u>	
<u>Câu văn diễn tả cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ</u>	
<u>Câu văn khái quát cảm xúc về bài thơ</u>	

Phụ lục 2

PHIẾU TÌM Ý		
<i>Dàn ý</i>	<i>Nội dung chính cần đảm bảo</i>	
Mở đoạn	- Giới thiệu bài thơ và tác giả - Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về nét độc đáo, có ý nghĩa nhất của bài thơ.	
Thân đoạn	- Nêu cảm xúc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ (số tiếng, vần, nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, tình cảm, cảm xúc của tác giả...)	
Kết đoạn	Khái quát lại ấn tượng, cảm xúc của bài thơ.	

Phụ lục 3

BẢNG ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Tiêu chí	Tốt (2đ)	Đạt (1đ)	Chưa đạt (0đ)
Giới thiệu bài thơ, tác giả	Giới thiệu hay, ấn tượng.	Chưa giới thiệu được bài thơ.	Chưa viết câu giới thiệu.

(nếu có)			
Nêu cảm xúc về nội dung bài thơ.	Cảm xúc chân thực, tự nhiên, bám sát nội dung bài thơ.	Cảm xúc thiếu tự nhiên, chưa bám sát vào bài thơ.	Chưa bộc lộ được cảm xúc về bài thơ.
Nêu ý nghĩa, chủ đề bài thơ	Nêu đúng ý nghĩa, chủ đề.	Chưa nêu được đầy đủ ý nghĩa, chủ đề.	Chưa nêu được ý nghĩa, chủ đề.
Thể hiện cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật.	Phân tích hay, rõ, cảm nhận sâu sắc giá trị, tác dụng, hiệu quả biểu đạt của một số yếu tố như từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...	Phân tích chưa rõ, cảm nhận chưa đầy đủ về giá trị của các yếu tố nghệ thuật.	Chưa phân tích được tác dụng của yếu tố nghệ thuật.
Khái quát những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.	Kết đoạn hay, hấp dẫn.	Kết đoạn chưa mang tính khái quát, lặp lại ý đã viết.	Chưa khái quát được ấn tượng, cảm xúc.

DẶN DÒ

- Hoàn thành bài tập
- Soạn bài tiết 24: Nói và nghe *Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống*.

NÓI VÀ NGHE
TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG
(ĐƯỢC GỌI RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC)
(1 tiết)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu: Kết nối tạo hứng thú, tạo tâm thế cho HS, định hướng HS nhiệm vụ học tập kết nối kiến thức đã học với việc trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gọi ra từ tác phẩm văn học đã đọc trong bài 2.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
- GV tổ chức cho HS xem video và trả lời câu hỏi ? Video gọi cho em nhớ tới những bài thơ nào vừa học trong bài 2? - GV theo dõi, quan sát HS - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- HS quan sát clip, nêu cảm nhận. - HS trả lời cá nhân - Học sinh nhận xét, bổ sung	- Dự kiến sản phẩm: + Đồng dao mùa xuân + Gặp lá cơm nếp

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Mục tiêu:

- HS xác định được vấn đề, mục đích, đối tượng, đề tài trước khi nói.
- Chuẩn bị nội dung nói.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
--------------------------	-------------------------------	----------------------------------

Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị bài nói

(1) GV gọi dẫn để HS nhắc lại kiến thức: ? Trong chương trình Ngữ văn 6, các em đã được làm quen với các tiết Nói và nghe, em hãy nhắc lại cấu trúc của bài nói và nghe? (Gồm có những bước nào?)	(1) HS trả lời cá nhân	1. Xác định được mục đích nói và người nghe: – Mục đích: Trình bày, chia sẻ với mọi người suy nghĩ của em về vấn đề đời sống (được gọi ra từ tác phẩm văn học đã đọc) – Người nghe: Thầy/cô, bạn
---	-------------------------------	---

- GV chốt bằng silde



(2) GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm theo yêu cầu

?1 Em hiểu thế nào là trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học?

?2 Theo em, bài trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống cần đạt những yêu cầu gì?

(2) HS trao đổi nhóm đôi

Dự kiến câu trả lời:

=>1: Là bày tỏ, suy nghĩ, quan điểm của mình về một vấn đề (phẩm chất, hành động, thái độ, lối sống, cách ứng xử...) mà tác phẩm văn học gợi ra.

=>2: Các tiêu chí trong bài nói

- + Nội dung
- + Hình thức
- + Cách diễn đạt
- + Phương tiện hỗ trợ

=>3: Đại diện nhóm trình bày kết quả

bè - những người có chung mối quan tâm và mong muốn được trao đổi vấn đề.

2. Chuẩn bị nội dung nói.

– Hoàn thành được các ý quan trọng trong đề cương bài nói.

?3 Dựa theo kiến thức SGK, khi chuẩn bị nội dung nói ta cần xác định những yêu cầu nào?

(3) GV hướng dẫn HS xây dựng đề cương bài nói

Yêu cầu: Dựa vào hai bài thơ *Đồng dao mùa xuân* và *gấp lá com nếp*, em hãy chia sẻ suy nghĩ về một vấn đề đời sống được ra từ một trong hai bài thơ trên.

- GV gợi mở, dẫn dắt HS trả lời câu hỏi

- GV chốt kiến thức:



CHUẨN BỊ NỘI DUNG NÓI VÀ NGHE			
Vấn đề và Mục đích	Đối tượng nghe	Thời gian, Không gian nói	Phương tiện hỗ trợ

(3) HS làm việc cá nhân xây dựng đề cương bài nói bằng cách hoàn thành các nội dung theo gợi ý.

Nhiệm vụ 2: Trình bày bài nói

(1) GV tổ chức cho HS luyện nói theo nhóm đôi.

(1)
- Luyện nói theo nhóm đôi theo đề cương đã chuẩn bị.
– Mỗi HS lần lượt trình bày bài nói của mình

3. Trình bày bài nói

- Nói theo nhóm
- Nói trước lớp

NGƯỜI NÓI

- Đảm bảo đúng, nếu rõ vấn đề
- Biểu hiện (bằng chứng) rõ ràng
- Mạch lạc, đảm bảo tính liên kết

Hành thức

- Giọng nói to, rõ ràng
- Tốc độ vừa phải
- Kết hợp cử chỉ, điệu bộ
- Tương tác với người nghe
- Đảm bảo đúng thời gian
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có)

NGƯỜI NGHE

- Tập trung lắng nghe
- Ghi chép tóm tắt (Nếu đúng, hình thức, những lưu ý cần trao đổi với người nói...)

[illegible]

- HS hoàn thiện
từng tiêu chí đánh
giá theo bảng gọi
ý (Cho điểm nếu
có)

đổi về bài nói: - Người nghe: Trao đổi với tinh thần xây dựng và tôn trọng (theo kỹ thuật 3-2-1) + Theo tiêu chí trên phiếu đánh giá + 3 lời khen: Điều hấp dẫn, thú vị của câu chuyện ; Cách trình bày... + 2 góp ý: Những nội dung/cách trình bày chưa được của người nói... + 1 thắc mắc: Sự việc, chi tiết còn chưa rõ trong bài nói ... - Người nói: Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị + Tiếp thu, trân trọng ý kiến trao đổi + Giải đáp thắc mắc của người nghe + Bảo vệ ý kiến của mình (nếu đúng)	hội và vận dụng hợp lý - HS vận dụng kỹ thuật 3-2-1 đưa ra ý kiến cá nhân xoay quanh bài nói của bạn	
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP Mục tiêu: - Trình bày được ý kiến của bản thân mình về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học - Biết cách nói và nghe tích cực, hiệu quả khi trình bày và nghe bài Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
GV chiếu đề bài: Qua các bài thơ “Đồng dao mùa xuân” (Nguyễn	- HS lập dàn ý theo nhóm.	HS thực hiện kỹ năng nói và nghe theo bảng kiểm:

Khoa Diễm) và “Gặp lá cơm nếp” (Thanh Thảo), em đã phần nào thấy được hình ảnh những người lính trong những năm chiến tranh. Dựa vào những hiểu biết của bản thân, hãy trình bày suy nghĩ của em về chủ đề người lính trong cuộc sống hôm nay.

- Đại diện HS lên trình bày bài nói.
- HS các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.

 PHIẾU KIỂM NÓI – NGHE (Tích V (Đạt) và X (Chưa đạt) vào ô trống)		
MỞ ĐẦU	☐	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu
	☐	Giới thiệu được vấn đề sẽ trình bày trong bài nói
	☐	Nêu khái quát các luận điểm sẽ trình bày
TRIỂN KHAI	☐	Nêu được hoàn cảnh hiện tại của đất nước
	☐	Nêu được nhiệm vụ của người lính: bảo vệ Tổ quốc
	☐	Liệt kê và lấy được ví dụ về phẩm chất người lính
	☐	Rút ra được những suy nghĩ và tình cảm với người lính
KẾT THÚC	☐	Tóm lược lại nội dung bài nói
	☐	Đưa ra được những ý tưởng mở rộng
	☐	Lời kết thúc, lời chào và cảm ơn
KỸ NĂNG TRÌNH BÀY	☐	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc
	☐	Tương tác tích cực trong quá trình nói
	☐	Kết hợp hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ
	☐	Tiếp thu và phản biện tích cực ý kiến của các nhóm

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học, liên hệ vào thực tế đời sống

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
BTVN: GV yêu cầu HS sưu tầm một tác phẩm thơ cùng chủ đề, đọc, suy ngẫm, rút ra vấn đề được tác giả gửi gắm trong tác phẩm; xây dựng đề cương bài nói về vấn đề đó.	- HS sưu tầm, lập dàn ý và quay video nói up lên padlet.	HS sưu tầm tác phẩm thơ cùng chủ đề, lập dàn ý bài nói theo yêu cầu.

DẶN DÒ

- Hoàn thiện bài nói và bài tập vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: **Chủ đề 3 “Cội nguồn yêu thương”**
- Đọc và tìm hiểu phần Tri thức ngữ văn.
- Đọc hiểu văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, chuẩn bị phần trước khi đọc, sưu tầm tư liệu về chủ đề.